Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	10 - 30

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 vào ngày 8 tháng 8 năm 2018. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61201381/20159773/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Văn phòng Công ty") được lập ngày 8 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Building a better working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 8 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Đức Thường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**472.671.635.012**	**423.227.403.307**
110	***I. Tiền***	***4***	***5.879.705.627***	***14.157.586.775***
111	1. Tiền		5.879.705.627	14.157.586.775
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***394.577.281.448***	***323.577.281.448***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	394.577.281.448	323.577.281.448
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***67.477.345.656***	***59.300.430.495***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	49.235.102.058	50.683.766.667
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		473.696.109	338.210.874
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.939.119.569	8.449.025.034
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(170.572.080)	(170.572.080)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***4.560.569.359***	***4.397.682.691***
141	1. Hàng tồn kho		4.560.569.359	4.397.682.691
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***	***12***	***176.732.922***	***21.794.421.898***
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		141.147.997	10.688.431.901
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		35.584.925	11.105.989.997
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**446.171.841.235**	**466.168.701.373**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***7.606.945.482***	***7.606.945.482***
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	22	7.606.945.482	7.606.945.482
220	***II. Tài sản cố định***		***357.304.251.394***	***377.246.079.667***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	339.772.828.695	359.789.606.837
222	Nguyên giá		1.444.791.130.852	1.443.437.380.692
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.105.018.302.157)	(1.083.647.773.855)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.531.422.699	17.456.472.830
228	Nguyên giá		20.923.482.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.392.059.701)	(3.178.849.570)
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***		***81.169.000.000***	***81.169.000.000***
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	81.169.000.000	81.169.000.000
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***91.644.359***	***146.676.224***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		91.644.359	146.676.224
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**918.843.476.247**	**889.396.104.680**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**45.514.670.847**	**31.189.465.461**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***45.514.670.847***	***31.189.465.461***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	333.315.313	5.993.971.018
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.207.786.599	2.845.205.379
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	22.205.552.115	-
314	4. Phải trả người lao động		4.064.809.529	10.427.859.234
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		98.518.750	1.092.049.016
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	22	10.693.708.108	4.740.023.113
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	3.693.923.728	6.090.357.701
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	2.217.056.705	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**873.328.805.400**	**858.206.639.219**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***15***	***873.328.805.400***	***858.206.639.219***
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*635.000.000.000*	*635.000.000.000*
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		238.328.805.400	223.206.639.219
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*136.889.615.219*	*136.359.582.432*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*101.439.190.181*	*86.847.056.787*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**918.843.476.247**	**889.396.104.680**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Nguyễn Trung Hiếu	Lê Hồng Minh	Nguyễn Văn Quyền
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**17.1**	**185.872.527.786**	**126.949.458.466**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**17.1**	**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**17.1**	**185.872.527.786**	**126.949.458.466**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**18**	**(61.250.531.002)**	**(50.451.520.985)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**124.621.996.784**	**76.497.937.481**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**17.2**	**14.844.208.040**	**13.412.038.311**
22	**7. Chi phí tài chính** *Trong đó: Chi phí lãi vay*		**-** *-*	**(37.916.667)** *(37.916.667)*
25	**8. Chi phí bán hàng**		**-**	**-**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**19**	**(13.244.501.799)**	**(11.351.778.011)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**126.221.703.025**	**78.520.281.114**
31	**11. Thu nhập khác**		**71.273.450**	**3.181.815**
32	**12. Chi phí khác**		**-**	**(679.351)**
40	**13. Lợi nhuận khác**		**71.273.450**	**2.502.464**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**126.292.976.475**	**78.522.783.578**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**21.1**	**(24.853.786.294)**	**(15.409.883.585)**
60	**16. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**101.439.190.181**	**63.112.899.993**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Nguyễn Trung Hiếu	Lê Hồng Minh	Nguyễn Văn Quyền
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**126.292.976.475**	**78.522.783.578**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9,10	21.894.324.753	21.938.059.714
03	Các khoản dự phòng		-	(80.000.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(14.844.208.040)	(13.412.038.311)
06	Chi phí lãi vay		-	37.916.667
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**133.343.093.188**	**87.006.721.648**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		1.341.794.072	(15.388.470.447)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(162.886.668)	58.733.724
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		14.739.274.283	(4.647.873.662)
12	Giảm chi phí trả trước		55.031.865	536.627.515
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(37.916.667)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(5.000.000.000)	(11.790.255.250)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	54.745.452
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.080.025.093)	(2.374.981.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**143.236.281.647**	**53.417.331.313**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.539.434.682)	(798.653.196)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000.000)	(29.159.547.200)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		29.000.000.000	94.212.372.807
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.325.498.807	7.012.465.828
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư**		**(69.213.935.875)**	**71.266.638.239**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	5.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(82.300.226.920)	(82.362.174.900)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(82.300.226.920)**	**(82.362.174.900)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(8.277.881.148)**	**42.321.794.652**
60	**Tiền đầu kỳ**		**14.157.586.775**	**24.229.101.167**
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**5.879.705.627**	**66.550.895.819**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Nguyễn Trung Hiếu	Lê Hồng Minh	Nguyễn Văn Quyền
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 68 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 69).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà có chi nhánh như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty (bao gồm Văn phòng và chi nhánh) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 vào ngày 8 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Văn phòng Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Văn phòng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Văn phòng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Văn phòng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Văn phòng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Văn phòng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Văn phòng Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Văn phòng Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Văn phòng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Tiền mặt	288.133.297	18.608.944
Tiền gửi ngân hàng	5.591.572.330	14.138.977.831
TỔNG CỘNG	**5.879.705.627**	**14.157.586.775**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Tiền gửi có kỳ hạn	**394.577.281.448**	**394.577.281.448**	**323.577.281.448**	**323.577.281.448**

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất là 6,3%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng) và từ 7,0%/năm đến 7,3%/năm (đối với các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng).

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*	
	Số lượng (cổ phiếu)	*Giá trị VND*	*Số lượng (cổ phiếu)*	*Giá trị VND*
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (ii)	200.000	48.550.000.000	200.000	48.550.000.000
TỔNG CỘNG	**3.200.000**	**81.169.000.000**	**3.200.000**	**81.169.000.000**

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCoM với mức giá giao dịch bình quân trong 5 ngày cuối tháng 6 năm 2018 trong khoảng từ 9.800 VND đến 10.660 VND/cổ phiếu.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Phải thu từ khách hàng	7.735.675.044	6.755.619.681
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Thí nghiệm điện	*3.226.275.807*	*3.226.275.807*
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	*2.819.715.223*	*3.019.715.223*
- Các công ty khác	*1.689.684.014*	*509.628.651*
Phải thu của khách hàng là bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	41.499.427.014	43.928.146.986
TỔNG CỘNG	**49.235.102.058**	**50.683.766.667**
Dự phòng phải thu khó đòi	(170.572.080)	(170.572.080)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Phải thu lãi tiền gửi	16.220.884.488	6.252.175.255
Tạm ứng cho nhân viên	313.219.557	10.000.000
Phải thu khác	1.405.015.524	2.186.849.779
TỔNG CỘNG	**17.939.119.569**	**8.449.025.034**

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên liệu, vật liệu	4.255.246.312	-	4.118.293.085	-
Công cụ, dụng cụ	305.323.047	-	279.389.606	-
TỔNG CỘNG	**4.560.569.359**	**-**	**4.397.682.691**	**-**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản cố định khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	649.743.636.449	772.346.353.061	15.886.920.785	5.343.015.852	117.454.545	1.443.437.380.692
- Mua trong kỳ	-	1.508.867.182	-	-	-	1.508.867.182
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	358.387.500	-	-	-	-	358.387.500
- Thanh lý trong kỳ	(143.147.520)	-	-	(370.357.002)	-	(513.504.522)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	649.958.876.429	773.855.220.243	15.886.920.785	4.972.658.850	117.454.545	1.444.791.130.852
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*3.641.680.063*	*424.899.126.057*	*9.578.458.134*	*4.497.126.883*	-	*442.616.391.137*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	453.159.561.494	612.545.210.032	12.927.077.119	4.949.268.569	66.656.641	1.083.647.773.855
- Khấu hao trong kỳ	10.819.275.114	10.691.012.516	317.701.732	50.170.720	5.872.742	21.884.032.824
- Thanh lý trong kỳ	(143.147.520)	-	-	(370.357.002)	-	(513.504.522)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	463.835.689.088	623.236.222.548	13.244.778.851	4.629.082.287	72.529.383	1.105.018.302.157
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	196.584.074.955	159.801.143.029	2.959.843.666	393.747.283	50.797.904	359.789.606.837
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	186.123.187.341	150.618.997.695	2.642.141.934	343.576.563	44.925.162	339.772.828.695

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
- Mua trong kỳ	-	288.160.000	288.160.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	20.558.322.400	365.160.000	20.923.482.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.104.828.730	74.020.840	3.178.849.570
- Hao mòn trong kỳ	205.583.226	7.626.905	213.210.131
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	3.310.411.956	81.647.745	3.392.059.701
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	17.453.493.670	2.979.160	17.456.472.830
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	17.247.910.444	283.512.255	17.531.422.699

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho người bán ngắn hạn	333.315.313	333.315.313	5.928.065.333	5.928.065.333
- *Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thông minh*	*307.457.317*	*307.457.317*	*2.967.764.868*	*2.967.764.868*
- *Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tự động hóa Năng lượng*	-	-	*1.384.020.000*	*1.384.020.000*
- *Phải trả người bán ngắn hạn khác*	*25.857.996*	*25.857.996*	*1.576.280.465*	*1.576.280.465*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	-	-	65.905.685	65.905.685
TỔNG CỘNG	**333.315.313**	**333.315.313**	**5.993.971.018**	**5.993.971.018**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh 21.2)*	(537.852.579)	24.853.786.294	(5.000.000.000)	19.315.933.715
Thuế giá trị gia tăng	(10.688.431.901)	18.546.054.605	(7.998.770.701)	(141.147.997)
Thuế thu nhập cá nhân	(881.006.202)	1.055.421.277	(210.000.000)	(35.584.925)
Thuế tài nguyên	(9.687.131.216)	19.698.800.499	(7.122.050.883)	2.889.618.400
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.412.748.000	(2.412.748.000)	-
TỔNG CỘNG	**(21.794.421.898)**	**66.566.810.675**	**(22.743.569.584)**	**22.028.819.193**
Trong đó:				
Thuế phải nộp	-			*22.205.552.115*
Thuế phải thu	*(21.794.421.898)*			*(176.732.922)*

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Cổ tức phải trả	166.224.715	151.962.690
Phí môi trường rừng	2.921.907.292	3.231.530.368
Chi phí thuê giảng viên và vận chuyển thiết bị	-	1.205.000.000
Chi phí ủng hộ xây dựng trường Tiểu học và THCS xã Cảm Nhân	513.251.952	1.000.000.000
Khác	92.539.769	501.864.643
TỔNG CỘNG	**3.693.923.728**	**6.090.357.701**

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Số đầu kỳ	-	729.443.634
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ *(Thuyết minh số 15.1)*	3.500.000.000	3.000.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	(1.282.943.295)	(2.374.981.000)
Số cuối kỳ	2.217.056.705	1.354.462.634

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	635.000.000.000	203.178.886.045	838.178.886.045
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	63.112.899.993	63.112.899.993
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(Thuyết minh số 14)*	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(63.500.000.000)	(63.500.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	(267.024.000)
- Giảm khác	-	(52.279.613)	(52.279.613)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	635.000.000.000	199.472.482.425	834.472.482.425
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	635.000.000.000	223.206.639.219	858.206.639.219
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	101.439.190.181	101.439.190.181
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(Thuyết minh số 14)*	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(82.550.000.000)	(82.550.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	(267.024.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	635.000.000.000	238.328.805.400	873.328.805.400

Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết số 438/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*		
	Tổng số	*Cổ phiếu thường*	*Cổ phiếu ưu đãi*	*Tổng số*	*Cổ phiếu thường*	*Cổ phiếu ưu đãi*
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
TỔNG CỘNG	**63.500.000**	**63.500.000**	**-**	**63.500.000**	**63.500.000**	**-**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2017: VND 10.000).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: VND

Cổ đông	*Vốn điều lệ đã góp (VND)*	*Tỷ lệ (%)*
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	383.651.680.000	60.42%
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	190.500.000.000	30.00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9.58%
TỔNG CỘNG	**635.000.000.000**	**100%**

15.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2017 (đợt 2): VND 1.300/cổ phiếu	82.550.000.000	-
Cổ tức cho năm 2016 (đợt 2): VND 1.000/cổ phiếu	-	63.500.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ tài chính		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	*76.200.000.000*

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*	
	Số lượng	*VND*	*Số lượng*	*VND*
Cổ phiếu đã được duyệt	**63.500.000**	**635.000.000.000**	**63.500.000**	**635.000.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**63.500.000**	**635.000.000.000**	**63.500.000**	**635.000.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	*63.500.000*	*635.000.000.000*
Cổ phiếu phổ thông	*63.500.000*	*635.000.000.000*	*63.500.000*	*635.000.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**63.500.000**	**635.000.000.000**	**63.500.000**	**635.000.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	*63.500.000*	*635.000.000.000*	*63.500.000*	*635.000.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2017: VND 10.000).

16. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	363	363

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Tổng doanh thu	**185.872.527.786**	**126.949.458.466**
Trong đó		
Doanh thu bán điện	*185.688.345.969*	*126.837.949.375*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*184.181.817*	*111.509.091*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**-**
Doanh thu thuần	**185.872.527.786**	**126.949.458.466**

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.794.208.040	11.912.038.311
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.050.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	**14.844.208.040**	**13.412.038.311**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Giá vốn của hoạt động bán điện	61.224.713.728	50.411.520.984
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	25.817.274	40.000.001
TỔNG CỘNG	**61.250.531.002**	**50.451.520.985**

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Chi phí nhân công	5.724.600.832	5.870.531.456
Chi phí khấu hao và hao mòn	939.936.987	1.081.970.241
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.579.963.980	4.399.276.314
TỔNG CỘNG	**13.244.501.799**	**11.351.778.011**

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	890.070.888	868.244.032
Chi phí nhân công	15.481.739.955	15.585.570.307
Chi phí khấu hao và hao mòn	21.894.324.753	21.938.059.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.402.429.052	1.656.087.755
Chi phí khác	33.826.468.153	21.755.337.188
TỔNG CỘNG	**74.495.032.801**	**61.803.298.996**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Văn phòng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**24.853.786.294**	**15.409.883.585**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Văn phòng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**126.292.976.475**	**78.522.783.578**
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ	25.955.000	26.634.351
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.050.000.000)	(1.500.000.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	**124.268.931.475**	**77.049.417.929**
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	**24.853.786.294**	**15.409.883.585**
Thuế TNDN (trả trước)/phải trả đầu kỳ	(537.852.579)	2.236.283.159
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(5.000.000.000)	(11.790.255.250)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	**19.315.933.715**	**5.855.911.494**

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Văn phòng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	185.688.345.969	126.837.949.375
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	49.874.718.400	32.400.188.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	24.765.000.000	38.100.000.000

Các nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Văn phòng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
Phải thu ngắn hạn khách hàng *(Thuyết minh số 6)*				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	41.499.427.014	43.928.146.986
			41.499.427.014	**43.928.146.986**
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Cấp vốn kinh doanh	1.000.000.000	1.000.000.000
		Tài sản điều chuyển	6.606.945.482	6.606.945.482
			7.606.945.482	**7.606.945.482**

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*
***Phải trả người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 11)*				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải trả tiền điện đầu vào	-	65.905.685
			-	**65.905.685**
Phải trả nội bộ ngắn hạn				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Doanh thu thu hộ	10.693.708.108	4.740.023.113
			10.693.708.108	**4.740.023.113**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Lương và thưởng	1.191.969.287	847.701.723
TỔNG CỘNG	**1.191.969.287**	**847.701.723**

23. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Văn phòng Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị khoảng 1,7 tỷ VND chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm các máy móc, thiết bị mới phục vụ cho hoạt động sản xuất của Văn phòng Công ty.

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

Nguyễn Trung Hiếu	Lê Hồng Minh	Nguyễn Văn Quyền
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018